CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM

QCVN 45:2024/BGTVT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẾN XE KHÁCH

National technical reguiation on Bus station

HÀ NỘI – 2024

Lời nói đầu

QCVN 45:2024/BGTVT do Cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024.

QCVN 45:2024/BGTVT thay thế QCVN 45:2012/BGTVT được ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách được ban hành theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Mục lục

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.2. Đối tượng áp dụng

1.3. Giải thích từ ngữ

1.4. Tài liệu viện dẫn

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định chung

2.2. Quy định về các hạng mục công trình tối thiểu

2.3. Quy định về diện tích và các hạng mục công trình

2.3.1. Phân loại bến xe khách

2.3.2. Quy định về khu vực bán vé

2.3.3. Quy định khu vực đón, trả khách

2.3.4. Quy định về bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách và bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác

2.3.5. Quy định về phòng chờ cho hành khách

2.3.6. Quy định về khu vệ sinh

2.3.7. Quy định về cung cấp thông tin

2.3.8. Quy định về hệ thống cấp thoát nước

2.3.9. Quy định về phòng cháy, chữa cháy

2.4. Quy định về bảo vệ môi trường

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Quy định về quản lý

3.2. Tổ chức thực hiện

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẾN XE KHÁCH

National technical regulation on Bus station

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật phải tuân thủ trong đầu tư xây dựng, cải tạo, quản lý, khai thác bến xe khách.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, cải tạo, quản lý, khai thác, kiểm tra, công bố bến xe khách.

1.3. Giải thích từ ngữ

1.3.1. Đường xe ra, vào bến là đường đấu nối từ đường chính, đường nhánh hoặc đường gom vào bến xe khách.

1.3.2. Vị trí đón, trả khách là khu vực đỗ xe để hành khách lên xe hoặc xuống xe trong phạm vi bến xe khách.

1.3.3. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách là nơi dành cho xe ô tô khách đỗ xe để chờ vào vị trí đón hành khách.

1.3.4. Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác là nơi trông giữ các phương tiện giao thông đường bộ khác tại bến xe khách.

1.3.5. Phòng chờ cho hành khách là khu vực có bố trí ghế để hành khách ngồi trong thời gian chờ mua vé hoặc chờ lên xe.

1.3.6. Hệ thống cung cấp thông tin là hệ thống loa phát thanh, bảng thông báo và các trang thiết bị nghe, nhìn khác trong bến xe khách.

1.4. Tài liệu viện dẫn

QCVN 26:2010/BTNMT	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;*
QCVN 12:2014/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng;*
QCVN 01-1:2018/BYT	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;*
QCVN 13:2018/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gara ô tô;*
QCVN 01:2020/BCT	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu;*
QCVN 01:2021/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*
QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;*

TCVN 3890:2023	*Tiêu chuẩn quốc gia về phòng cháy chữa cháy – Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí;*
QCVN 09:2023/BTNMT	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;*
QCVN 07:2023/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;*
QCVN 10:2024/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng.*

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định chung

2.1.1. Bến xe khách phải đảm bảo các phương tiện sử dụng đường lưu thông dành cho xe cơ giới trong bến xe khách để di chuyển giữa các khu vực bãi đỗ xe và vị trí đón, trả khách.

2.1.2. Đường xe ra, vào bến phải được thiết kế, thi công, vận hành theo đúng quy định về đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

2.1.3. Việc đấu nối đường xe ra, vào bến phải thực hiện theo đúng quy định về kết nối giao thông đường bộ.

2.1.4. Đường lưu thông dành cho xe cơ giới trong bến xe khách phải có biển báo hiệu, vạch kẻ đường để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực bến xe khách.

2.1.5. Bến xe khách được xây dựng một tầng hoặc nhiều tầng và phải bảo đảm thực hiện tối thiểu các chức năng: cung cấp các dịch vụ phục vụ xe ra, vào bến xe khách; cấp các dịch vụ phục vụ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, hành khách, hành lý, hàng hóa và phương tiện.

2.1.6. Các công trình, lối đi lại, các thiết bị của bến xe khách phải được xây dựng, lắp đặt bảo đảm chất lượng và sự bền vững tương ứng với cấp công trình theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, QCVN 01:2021/BXD, QCVN 10:2024/BXD bảo đảm trật tự, an toàn cho hành khách, hàng hóa và phương tiện trong khu vực bến xe khách, bảo đảm người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

2.1.7. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc của bến xe khách bảo đảm theo quy định tại QCVN 12:2014/BXD, QCVN 07:2023/BXD.

2.2. Quy định về các hạng mục công trình tối thiểu

Bến xe khách phải có các công trình tối thiểu bao gồm:

2.2.1. Khu vực làm việc của bộ máy quản lý;

2.2.2. Khu vực bán vé;

2.2.3. Khu vực đón, trả khách;

2.2.4. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách;

2.2.5. Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác;

2.2.6. Phòng chờ cho hành khách;

2.2.7. Khu vệ sinh;

2.2.8. Đường xe ra, vào bến;

2.2.9. Hệ thống cung cấp thông tin;

2.2.10. Hệ thống kiểm soát xe ra, vào bến;

2.2.11. Hệ thống cấp thoát nước;

2.2.12. Hệ thống sạc điện cho phương tiện giao thông cơ giới sử dụng năng lượng điện.

2.3. Quy định về diện tích và các hạng mục công trình

2.3.1. Phân loại bến xe khách.

Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác (tối thiểu)	m2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc của bộ máy quản lý	-	Tối thiểu 4,5 m2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m2					

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
10	Diện tích khu vệ sinh	-	>= 5% tổng diện tích sàn của nhà/công trình và không nhỏ hơn 10 m2					
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích mặt bằng					
12	Đường xe ra, vào bến	-	Riêng biệt			Chung (rộng tối thiểu 7,5 m)		
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che					
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng					
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn				
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe				
17	Hệ thống sạc điện cho phương tiện giao thông cơ giới sử dụng năng lượng điện		Có					

2.3.2. Quy định về khu vực bán vé

2.3.2.1. Vị trí khu vực bán vé bảo đảm hành khách dễ nhận biết, thuận

tiện cho hành khách đến mua vé và ra vị trí xe đón khách. Phía trước khu vực bán vé phải có biển hiệu "Khu vực bán vé" bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Được sử dụng một hoặc nhiều hình thức bán vé: trực tiếp, thiết bị bán vé tự động, trang thông tin điện tử, ứng dụng di động để phục vụ hành khách mua vé, in vé lên xe;

2.3.2.2. Tại quầy bán vé, thiết bị bán vé tự động, trang thông tin điện tử, ứng dụng di động phải niêm yết thông tin về chất lượng dịch vụ và các thông tin cần thiết khác cho hành khách.

2.3.3. Quy định khu vực đón, trả khách

2.3.3.1. Khu vực xe đón khách phải được bố trí thuận tiện cho hành khách đi từ khu vực phòng chờ hoặc khu vực bán vé;

2.3.3.2. Khu vực xe đón khách phải có biển hiệu chỉ dẫn để bảo đảm hành khách đi xe dễ dàng nhận biết đúng vị trí xe chờ đón khách;

2.3.3.3. Khu vực trả khách phải được bố trí riêng biệt với khu vực đón khách, thuận tiện cho hành khách đi ra khỏi khu vực bến xe khách hoặc đến khu vực dành cho các loại hình vận tải hành khách công cộng;

2.3.3.4. Các vị trí cho xe đỗ để đón, trả khách phải được phân định rõ bằng vạch sơn;

2.3.3.5. Đối với các bến xe khách có tuyến vận tải quốc tế phải bố trí khu vực riêng cho xe vận chuyển khách trên các tuyến quốc tế đón, trả khách và phải có biển hiệu "Khu vực đón, trả khách quốc tế" bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

2.3.3.6. Đối với các bến xe khách có tuyến xe buýt, taxi hoạt động trong khu vực bến, bến xe phải bố trí khu vực dành riêng cho xe buýt, xe taxi đón, trả khách.

2.3.4. Quy định về bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách khách và bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác

2.3.4.1. Diện tích tối thiểu cho một vị trí đỗ của xe ô tô khách là 40 m2. Có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe;

2.3.4.2. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách và bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác được xây dựng theo dạng gara ô-tô phải đáp ứng các quy định tại QCVN 13:2018/BXD.

2.3.5. Quy định về phòng chờ cho hành khách

2.3.5.1. Đối với bến xe khách từ loại 1 đến loại 2 phải tổ chức, bố trí khu vực phòng chờ dành riêng cho hành khách đã mua vé;

2.3.5.2. Có bố trí ghế ngồi cho hành khách theo quy định đối với từng loại bến xe khách. Ghế ngồi phải được đặt cố định và có lối đi lại giữa các hàng ghế;

2.3.5.3. Phải có lối đi liên thông với khu vực bán vé và khu vực xe đón, trả khách;

2.3.5.4. Phải có hệ thống đèn chiếu sáng và biển chỉ dẫn "Lối ra xe" để chỉ dẫn hành khách ra khu vực xe đón khách.

2.3.6. Quy định về khu vệ sinh

2.3.6.1. Có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh rõ ràng, dễ nhận biết bảo đảm thuận tiện cho người sử dụng, có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo quy định tại QCVN 10:2024/BXD. Vị trí bố trí không ảnh hưởng đến môi trường của các khu vực khác trong bến xe khách;

2.3.6.2. Khu vệ sinh đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị sạch sẽ;

2.3.6.3. Khu vệ sinh được thông gió và đảm bảo vệ sinh môi trường;

2.3.6.4. Nền, mặt tường khu vệ sinh sử dụng loại vật liệu dễ làm vệ sinh;

2.3.6.5. Hệ thống thoát nước bảo đảm không để nước ứ đọng trên nền trong khu vệ sinh.

2.3.7. Quy định về hệ thống cung cấp thông tin

2.3.7.1. Tại khu vực phòng chờ cho hành khách và khu vực bán vé của bến xe khách phải có hệ thống cung cấp thông tin tối thiểu gồm: hệ thống phát thanh và bảng thông tin chỉ dẫn cố định;

2.3.7.2. Nội dung thông tin cung cấp theo từng tuyến tối thiểu gồm: biển kiểm soát xe, đơn vị vận tải, hành trình, thời gian xe xuất bến, giá vé, chất lượng dịch vụ vận tải, thông tin về hành lý thất lạc;

2.3.7.3. Đối với bến xe khách có tuyến vận tải quốc tế phải cung cấp thông tin theo quy định tại điểm 2.3.7.1, 2.3.7.2 bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

2.3.7.4. Hệ thống phát thanh phải bảo đảm cho mọi người đang ở trong khu vực bến xe khách có thể nghe rõ mọi thông tin phát qua hệ thống;

2.3.7.5. Phải có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của hành khách;

2.3.7.6. Tại các vị trí đón khách phải cung cấp thông tin xe xuất bến tối thiểu gồm: biển kiểm soát phương tiện, hành trình, thời gian xe xuất bến.

2.3.8. Quy định về hệ thống cấp thoát nước:

2.3.8.1. Hệ thống cấp nước cho bến xe khách phải bảo đảm hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của bến xe khách;

2.3.8.2. Trường hợp bến xe tự khai thác nguồn nước để sử dụng thì phải đáp ứng các tiêu chí tại QCVN 09:2023/BTNMT; nguồn nước dùng trong sinh hoạt phải đáp các tiêu chí tại QCVN 01-1:2018/BYT và quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng;

2.3.8.3. Hệ thống thoát nước của bến xe khách bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa, phải bảo đảm không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của bến xe khách và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;

2.3.9. Quy định về phòng cháy, chữa cháy

Bến xe khách khi đưa vào khai thác phải đảm bảo quy định pháp luật về

phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu tối thiểu như sau:

2.3.9.1. Bến xe khách được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định tại QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD, TCVN 3890:2023 và các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp với tính chất, quy mô;

2.3.9.2. Niêm yết quy định về phòng cháy, chữa cháy trong khu vực bến xe khách.

2.4. Quy định về bảo vệ môi trường

2.4.1. Việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng tại bến xe khách thực hiện thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường;

2.4.2. Bến xe khách phải thực hiện các nội dung về quản lý chất thải (nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

2.4.3. Bến xe khách nằm trong khu dân cư phải đảm bảo các giới hạn về tiếng ồn theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Quy định về quản lý

3.1.1. Bến xe khách chỉ được đưa vào khai thác sau khi thực hiện công bố theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

3.1.2. Các bến xe khách đã công bố trước ngày quy chuẩn này có hiệu lực tuân thủ theo các quy định của QCVN 45:2012/BGTVT và sửa đổi 01:2015 QCVN 45:2012/BGTVT phải rà sát, hoàn thiện theo quy định của Quy chuẩn này trước ngày 01 tháng 01 năm 2026, riêng hệ thống trạm sạc điện cho phương tiện giao thông cơ giới sử dụng năng lượng điện phải bổ sung hoàn thiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3.2. Tổ chức thực hiện

3.2.1. Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Quy chuẩn này.

3.2.2. Trường hợp các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới.